TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do –Hạnh phúc

Bản án số:**18** /2022/DS-ST
Ngày 19/5/2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Ngọc Khánh và ông Y Dhiễu Hmok

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Xiêm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 19/5/2022, tại Phòng xử án, Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2021/TLST-DS ngày 18/11/2021 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXXST-DS ngày 07/4/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Th.

Địa chỉ: Đường L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng là ông Ngân Xuân T – Chuyên viên xử lý nợ xấu Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Th – Chi nhánh Đ, vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Đường Ng, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn:

1. Ông Lâm Trần Ng, sinh năm 1978, vắng mặt;

Địa chỉ thường trú: Thôn B (nay là thôn T), xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk;

Địa chỉ tạm trú: Đường H, tổ dân phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

2. Bà Trương Thị Tố Ng1, sinh năm 1981, vắng mặt

Địa chỉ: Đường H, tổ dân phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Th (sau đây gọi là Ngân hàng) trình bày có nội dung:

Ngân hàng với ông Lâm Trần Ng, bà Trương Thị Tố Ng1 đã cùng ký kết các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

1. **Hợp đồng 1:** Ngày 04/01/2017 Ngân hàng cho ông Lâm Trần Ng và bà Trương Thị Tố Ng1 vay với hình thức mở thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị vay có tài sản đảm bảo, đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm, hạn mức thẻ tín dụng là 43.000.000 đồng, ngày mở thẻ: 6/2/2017, lãi suất 30%/năm. Thay đổi theo quy định lãi suất thẻ của Ngân hàng theo từng thời kỳ, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, mục đích vay: Mua sắm tiêu dùng.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Ng, bà Ng1 đã thanh toán cho hợp đồng này số tiền 31.177.333 đồng. Trong đó thanh toán gốc 2.518.000 đồng và thanh toán lãi 28.659.333 đồng.

Tính đến ngày 19/5/2022, ông Ng, bà Ng1 nợ Ngân hàng theo Hợp đồng trên là 112.031.073 đồng (trong đó nợ gốc: 40.482.000 đồng, nợ lãi: 71.549.073 đồng)

2. **Hợp đồng 2:** Ngày 13/01/2017 Ngân hàng cho ông Lâm Trần Ng và bà Trương Thị Tố Ng1 vay 550.000.000 đồng theo hợp đồng cho vay số LN1701040011241/DAK/HDTD, thời hạn 78 tháng, mục đích vay mua xe ô tô nhãn hiệu Nissan NP300, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 7.8%/năm, lãi suất được thay đổi định kỳ 3 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn. Tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay là: xe ô tô bán tải Pickup cabin kép, nhãn hiệu Nissan, số loại: Navara NP300, biển số 47C–147.xx, số khung 4D23Z0015860, số máy YD25671931T, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 025251 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đ cấp ngày 10/01/2017 mang tên ông Lâm Trần Ng. Đăng ký giao dịch bảo đảm số 123777052 ngày 13/1/2017 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản Đ, theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1701040011241/DAK/HDTCSP ký ngày 13/01/2017

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Ng, bà Ng1 đã thanh toán cho hợp đồng này số tiền 335.588.636 đồng [Trong đó thanh toán nợ gốc trước khi quá hạn là 204.508.000 đồng, nợ gốc khi đã quá hạn là 10.479.128 đồng, lãi trước khi quá hạn là 112.485.382 đồng, lãi khi đã quá hạn là 8.116.126 đồng].

Tính đến ngày 19/5/2022, ông Ng, bà Ng1 nợ Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng trên tổng cộng 503.187.042 đồng [Trong đó nợ gốc 335.012.872 đồng, nợ lãi trong hạn 117.526.864 đồng, nợ lãi quá hạn 50.647.306 đồng].

3. **Hợp đồng 3:** Ngày 21/8/2017 Ngân hàng cho ông Lâm Trần Ng vay với hình thức cho vay tín chấp theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử với số tiền 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng); thời hạn vay từ 30/08/2017 đến 10/08/2021, lãi suất 20%/năm; lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, mục đích vay: Mua sắm dụng cụ gia đình.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Ng, bà Ng1 đã thanh toán cho hợp đồng này số tiền 30.061.657 đồng [Trong đó thanh toán nợ gốc trước khi quá hạn là 14.694.929 đồng, nợ gốc khi đã quá hạn là 1.692.279 đồng, lãi trước khi quá hạn là 12.698.302 đồng, lãi khi đã quá hạn là 976.147 đồng].

Tính đến ngày 19/5/2022, ông Ng, bà Ng1 nợ Ngân hàng theo Hợp đồng này là 46.189.657 đồng [Trong đó nợ gốc 25.612.792 đồng, nợ lãi trong hạn 14.368.675 đồng, nợ lãi quá hạn 6.208.190 đồng].

4. **Hợp đồng 4:** Ngày 29/10/2018 Ngân hàng cho ông Lâm Trần Ng vay với hình thức cho vay tín chấp theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử với số tiền là 99.000.000 đồng, thời hạn vay từ 01/11/2018 đến 01/11/2021, lãi suất 20%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn; mục đích vay mua đồ gia dụng.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Ng, bà Ng1 đã thanh toán cho hợp đồng này số tiền 33.264.246 đồng [Trong đó thanh toán nợ gốc trước khi quá hạn là 17.265.015 đồng, nợ gốc khi đã quá hạn là 2.291.432 đồng, lãi trước khi quá hạn là 12.262.832 đồng, lãi khi đã quá hạn là 1.444.967 đồng].

Tính đến ngày 19/5/2022, ông Ng, bà Ng1 nợ Ngân hàng theo Hợp đồng này là 144.820.288 đồng [Trong đó nợ gốc 79.443.553 đồng, nợ lãi trong hạn 44.547.801 đồng, nợ lãi quá hạn 20.828.934 đồng].

Như vậy quá trình thực hiện 04 hợp đồng tín dụng nêu trên ông Ng, bà Ng1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ vì vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Lâm Trần Ng và bà Trương Thị Tố Ng1 phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 19/5/2022 là 806.228.061 đồng [Trong đó nợ gốc là 480.551.217 đồng, nợ lãi là 325.676.844 đồng và tiếp tục chịu lãi suất quá hạn theo thoả thuận của các hợp đồng từ ngày 20/5/2022 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp ông Ng và bà Ng1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và lãi phát sinh thì tài sản bảo đảm là xe ô tô bán tải Pickup cabin kép, nhãn hiệu Nissan, số loại: Navara NP300, biển số 47C–147.xx, số khung 4D23Z0015860, số máy YD25671931T, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 025251 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đ cấp ngày 10/01/2017 mang tên ông Lâm Trần Ng được xử lý theo quy định của pháp luật để thanh toán nợ cho Ngân hàng. Trường hợp không phải xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng trả lại cho ông Lâm Trần Ng, bà Trương Thị Tố Ng1 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 025251 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đ cấp ngày 10/01/2017 mang tên ông Lâm Trần Ng

Bị đơn ông Lâm Trần Ng và bà Trương Thị Tố Ng1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Lâm Trần Ng và bà Trương Thị Tố Ng1 phải trả cho Ngân hàng tổ số tiền tính đến ngày 19/5/2022 là 806.228.061 đồng [Trong đó nợ gốc là 480.551.217 đồng, nợ lãi là 325.676.844 đồng và tiếp tục chịu lãi suất quá hạn theo thoả thuận của

các hợp đồng từ ngày 20/5/2022 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng. Trường hợp ông Ng và bà Ng1 không trả hoặc trả không đầy đủ thì tài sản đã thế chấp sẽ được xử lý để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về khởi kiện và thụ lý vụ án*: Ngày 07/09/2021 nguyên đơn Ngân hàng nộp đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo; ngày 18/10/2021 nguyên đơn có ý kiến không đồng ý hoà giải, đối thoại tại Toà án; ngày 21/10/2021 Tòa án ra thông báo sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện, ngày 12/11/2021 nguyên đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện, ngày 15/11/2021 Tòa án thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, ngày 17/11/2021 nguyên đơn nộp tạm ứng án phí, ngày 18/11/2021 nộp biên lai thu tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý vụ án là đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về trình tự thủ tục tố tụng:* Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Lâm Trần Ng và bà Trương Thị Tố Ng1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Về yêu cầu của đương sự:*

[4.1] Về hợp đồng tín dụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Đối với hợp đồng ngày 04/01/2017 Ngân hàng cho ông Lâm Trần Ng và bà Trương Thị Tố Ng1 vay với hình thức mở thẻ tín dụng hạn mức thẻ tín dụng là 43.000.000 đồng, ngày mở thẻ: 6/02/2017, lãi suất 30%/năm và thay đổi theo quy định lãi suất thẻ theo từng thời kỳ, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, mục đích vay: Mua sắm tiêu dùng. Quá trình thực hiện hợp đồng ông Ng, bà Ng1 đã thanh toán cho hợp đồng này số tiền 31.177.333 đồng [Trong đó thanh toán gốc 2.518.000 đồng và thanh toán lãi 28.659.333 đồng] là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do đó, Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Th khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Lâm Trần Ng và bà Trương Thị Tố Ng1 phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 19/5/2022 là 112.031.073 đồng [trong đó nợ gốc: 40.482.000 đồng, nợ lãi: 71.549.073 đồng] và tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh từ ngày 20/05/2022 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng là có căn cứ phù hợp với Điều 25 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 và Điều 91, Điều 95 luật các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

-Đối với hợp đồng ngày 13/01/2017 Ngân hàng cho ông Lâm Trần Ng và bà Trương Thị Tố Ng1 vay 550.000.000 đồng, thời hạn 78 tháng, mục đích vay mua xe ô tô nhãn hiệu Nissan NP300, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 7.8%/năm, lãi suất được thay đổi định kỳ 3 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng ông Ngọc, bà Ng1 đã thanh toán cho hợp đồng này số tiền 335.588.636 đồng [Trong đó thanh toán nợ gốc trước khi quá hạn là 204.508.000 đồng, nợ gốc khi đã quá hạn là 10.479.128 đồng, lãi trước khi quá hạn là 112.485.382 đồng, lãi khi đã quá hạn là 8.116.126 đồng] là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do đó, Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Th khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Lâm Trần Ng và bà Trương Thị Tố Ng1 phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 19/5/2022 là 503.187.042 đồng [Trong đó nợ gốc 335.012.872 đồng, nợ lãi trong hạn 117.526.864 đồng, nợ lãi quá hạn 50.647.306 đồng] và tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh từ ngày 20/05/2022 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng là có căn cứ phù hợp với Điều 25 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 và Điều 91, Điều 95 luật các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

-Đối với Hợp đồng ngày 21/8/2017 Ngân hàng cho ông Lâm Trần Ng vay với hình thức mở và sử dụng tài khoản thanh toán thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử với số tiền 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng), thời hạn vay từ 30/08/2017 đến 10/08/2021, lãi suất 20%/năm; lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, mục đích vay: Mua sắm dụng cụ gia đình.Quá trình thực hiện hợp đồng ông Ngọc, bà Ng1 đã thanh toán cho hợp đồng này số tiền 30.061.657 đồng [Trong đó thanh toán nợ gốc trước khi quá hạn là 14.694.929 đồng, nợ gốc khi đã quá hạn là 1.692.279 đồng, lãi trước khi quá hạn là 12.698.302 đồng, lãi khi đã quá hạn là 976.147 đồng] là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do đó, Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Th khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Lâm Trần Ng và bà Trương Thị Tố Ng1 phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 19/5/2022 là 46.189.657 đồng [Trong đó nợ gốc 25.612.792 đồng, nợ lãi trong hạn 14.368.675 đồng, nợ lãi quá hạn 6.208.190 đồng] và tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh từ ngày 20/05/2022 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng là có căn cứ phù hợp với Điều 25 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 và Điều 91, Điều 95 luật các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

-Đối với Hợp đồng ngày 29/10/2018 Ngân hàng cho ông Lâm Trần Ng vay với hình thức mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử với số tiền là 99.000.000 đồng, thời hạn vay từ 01/11/2018 đến 01/11/2021, lãi suất 20%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn; mục đích vay mua đồ gia dụng.Quá trình thực hiện hợp đồng ông Ng, bà Ng1 đã thanh toán cho hợp đồng này số tiền 33.264.246 đồng [Trong đó thanh toán nợ gốc trước khi quá hạn là 17.265.015 đồng, nợ gốc khi đã quá hạn là 2.291.432 đồng, lãi trước khi quá hạn là 12.262.832 đồng, lãi khi đã quá hạn là 1.444.967 đồng] là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do đó, Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Th khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Lâm Trần Ng và bà Trương Thị Tố Ng1 phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày

19/5/2022 là 144.820.288 đồng [Trong đó nợ gốc 79.443.553 đồng, nợ lãi trong hạn 44.547.801 đồng, nợ lãi quá hạn 20.828.934 đồng] và tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh từ ngày 20/05/2022 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng là có căn cứ phù hợp với Điều 25 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 và Điều 91, Điều 95 luật các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Về hợp đồng thế chấp tài sản: Xét thấy hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1701040011241/DAK/HDTCSP ký ngày 13/01/2017 giữa Ngân hàng với vợ chồng ông Lâm Trần Ng, bà Trương Thị Tố Ng1 đã kí kết là tự nguyện, tuân thủ nội dung và hình thức, đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Do đó, trường hợp ông Ng, bà Ng1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay là: 01 chiếc xe ô tô bán tải Pickup cabin kép, nhãn hiệu Nissan, số loại: Navara NP300, biển số 47C–147.xx, số khung 4D23Z0015860, số máy YD25671931T, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 025251 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đ cấp ngày 10/01/2017 mang tên ông Lâm Trần Ng. Đăng ký giao dịch bảo đảm số 123777052 ngày 13/1/2017 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản Đ được xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng cho hợp đồng vay ngày 13/01/2017. Trường hợp ông Ngọc, bà Ng1 thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ mà không phải xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng trả lại cho ông Ng, bà Ng1 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 025251 do phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đ cấp nêu trên theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1701040011241/DAK/HDTCSP ký ngày 13/01/2017 là phù hợp với Điều 317, Điều 318, Điều 323 Bộ luật dân sự.

[5] Xét quan điểm của kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.875.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 60AA/2021/0008342 ngày 17/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn vợ chồng ông Lâm Trần Ng, bà Trương Thị Tố Ng1 phải chịu 36.186.841 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 9, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 317, Điều 318, Điều 323 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 25 Luật hôn nhân gia đình năm 2000

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 9; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Th.

Buộc vợ chồng ông Lâm Trần Ng, bà Trương Thị Tố Ng1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Th tổng số tiền đã vay tại 4 hợp đồng tín dụng tính đến ngày 19/5/2022 là 806.228.060 đồng [Trong đó nợ gốc là 480.551.217 đồng, nợ lãi trong hạn là 247.992.413 đồng, nợ lãi quá hạn là 77.684.430 đồng]. Cụ thể như sau:

-Ông Lâm Trần Ng, bà Trương Thị Tố Ng1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Th tổng số tiền tính đến ngày 19/5/2022 đối với hợp đồng ngày 04/01/2017 là 112.031.073 đồng [trong đó nợ gốc: 40.482.000 đồng, nợ lãi: 71.549.073 đồng].

-Ông Lâm Trần Ng, bà Trương Thị Tố Ng1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Th tổng số tiền tính đến ngày 19/5/2022 đối với hợp đồng ngày 13/01/2017 là 503.187.042 đồng [Trong đó nợ gốc 335.012.872 đồng, nợ lãi trong hạn 117.526.864 đồng, nợ lãi quá hạn 50.647.306 đồng].

-Ông Lâm Trần Ng, bà Trương Thị Tố Ng1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Th tổng số tiền tính đến ngày 19/5/2022 đối với hợp đồng ngày 21/8/2017 là 46.189.657 đồng [Trong đó nợ gốc 25.612.792 đồng, nợ lãi trong hạn 14.368.675 đồng, nợ lãi quá hạn 6.208.190 đồng].

-Ông Lâm Trần Ng, bà Trương Thị Tố Ng1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Th tổng số tiền tính đến ngày 19/5/2022 đối với hợp đồng ngày 29/10/2018 là 144.820.288 đồng [Trong đó nợ gốc 79.443.553 đồng, nợ lãi trong hạn 44.547.801 đồng, nợ lãi quá hạn 20.828.934 đồng]

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp vợ chồng ông Lâm Trần Ng, bà Trương Thị Tố Ng1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Th theo hợp đồng số LN1701040011241/DAK/HDTD ngày 13/01/2017 thì tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1701040011241/DAK/HDTCSP ngày 13/01/2017 là xe ô tô bán tải Pickup cabin kép, nhãn hiệu Nissan, số loại: Navara NP300, biển số 47C–147.xx, số khung 4D23Z0015860, số máy YD25671931T theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 025251 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đ cấp ngày 10/01/2017 mang tên ông Lâm Trần Ng được xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ theo hợp đồng số LN1701040011241/DAK/HDTD ngày 13/01/2017 cho Ngân hàng. Trường hợp vợ

chồng ông Lâm Trần Ng, bà Trương Thị Tố Ng1 thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ mà không phải xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Th trả lại cho ông Lâm Trần Ng, bà Trương Thị Tố Ng1 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 025251 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đ cấp ngày 10/01/2017 mang tên ông Lâm Trần Ng.

2. Về án phí:

Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.875.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 60AA/2021/0008342 ngày 17/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn vợ chồng ông Lâm Trần Ng, bà Trương Thị Tố Ng1 phải chịu 36.186.841 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- CCTHADS thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Anh